

| CỘT A                            | CỘT B                                                                                                                  |
|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Điểm chết                     | a. Là một phần của chu trình công tác của ĐCĐT khi pít tông thực hiện 1 hành trình                                     |
| 2. Điểm chết trên                | b. Là không gian được giới hạn bởi nắp máy, xilanh và đỉnh pít tông khi pít tông ở ĐCD ( $V_a = V_c + V_s$ )           |
| 3. Điểm chết dưới                | c. Là không gian được giới hạn bởi hai điểm chết ( $V_s = \frac{\pi \times D^2}{4} \times S$ , D là đường kính xilanh) |
| 4. Hành trình của pít tông (S)   | d. Là động cơ có chu trình công tác diễn ra trong hai hành trình của pít tông                                          |
| 5. Thể tích buồng cháy ( $V_c$ ) | e. Là quãng đường di chuyển của pít tông giữa hai điểm chết ( $S = 2R$ , R là bán kính quay của trục khuỷu)            |
| 6. Thể tích công tác của xilanh  | g. Là vị trí mà tại đó pít tông ở xa tâm trục khuỷu nhất                                                               |
| 7. Thể tích công tác của động cơ | h. Là tỉ số giữa thể tích toàn phần và thể tích buồng cháy ( $\epsilon = \frac{V_a}{V_c}$ )                            |
| 8. Thể tích toàn phần            | i. Là tổng hợp các quá trình (nạp, nén, nổ, xả) diễn ra liên tiếp để động cơ thực hiện biến đổi hóa năng thành cơ năng |
| 9. Tỉ số nén                     | k. Là vị trí mà tại đó pít tông ở gần tâm trục khuỷu nhất                                                              |
| 10. Chu trình công tác           | l. Là động cơ có chu trình công tác diễn ra trong bốn hành trình của pít tông                                          |
| 11. Kỳ                           | m. Là không gian được giới hạn bởi nắp máy, xilanh và đỉnh pít tông khi pít tông ở ĐCT                                 |
| 12. Động cơ 2 kì                 | n. Là tổng thể tích công tác của các xilanh trong động cơ nhiều xilanh ( $V_h = V_s \times i$ )                        |
| 13. Động cơ 4 kì                 | o. Là vị trí mà tại đó pít tông đổi chiều chuyển động                                                                  |